TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08/4/2022
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2020 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lâm Nữ Thu T**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang;

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Nữ Thu T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/11/2015. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu chung sống hạnh phúc, đến hai năm sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông L không lo làm ăn, mà chỉ ăn chơi không quan tâm đến gia đình, khi bà khuyên nhủ thì ông L bỏ nhà đi, từ đó cho đến nay ông bà không còn chung sống cùng nhau, từ khi bỏ đi đến nay ông L không hỏi thăm vợ con, bà có tìm cách liên lạc nhưng ông L né tránh bà.

Hiện nay bà không còn tình cảm với ông L, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Lâm Quốc T, giới tính nam, sinh ngày 03/12/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà T ly hôn với ông L. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng của bà T. Về phần tài sản chung và nợ chung: bà T trình bày không có, ông L không có ý kiến nên không phải xem xét. Án phí: Buộc bà T chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Văn L cư trú tại Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên hợp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà ông L vắng mặt, ngày 16/4/2021 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ

và ghi nhận ý kiến của bà T, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông L. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 16/3/2022 nhưng bị đơn là ông L vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 08/4/2022 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Lâm Nữ Thu T và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/11/2015. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết bà T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn, ông L đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập ghi nhận ý kiến và hòa giải nhiều lần, nhưng ông L đều vắng mặt. Theo lời khai của bà T, trong quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, khoảng hai năm sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông L không lo làm ăn, mà chỉ ăn chơi không quan tâm đến gia đình, khi bà khuyên nhủ thì ông L bỏ nhà đi, từ năm 2018 cho đến nay ông bà không còn chung sống cùng nhau do ông L không trở về và cũng không có liên lạc với vợ con. Qua xác minh của Tòa án tại khu phố B, phường T cho thấy ông L có đăng ký thường trú tại địa phương, có người thân ở chung nhà nhưng hiện nay ông L không có mặt tại địa phương, theo ông Nguyễn Văn N là em ruột của ông L, ông L có biết việc Tòa án thụ lý, nhưng ông L không ý kiến và không thể đến Tòa do bận đi ghe biển. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà T, ông L không còn chung sống một thời gian dài và hiện nay không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân của bà T, ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghị cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông L.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Lâm Quốc T, giới tính nam, sinh ngày 03/12/2015, hiện nay con đang sống cùng bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện nay cháu T đang sống cùng bà T, từ khi ông L bỏ đi thì con do bà T chăm sóc nuôi dưỡng nên việc bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T là tạo điều kiện cho cháu T phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần

giao con chung cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông L thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Nữ Thu T với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lâm Quốc T, giới tính nam, sinh ngày 03/12/2015 cho bà Lâm Nữ Thu T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà T không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lâm Nữ Thu T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0009162 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà T không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh KG
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành